BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1149 /QĐ-BGTVT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt theo Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt;

Xét đề nghị của Cục Đường sắt Việt Nam tại Công văn số 509/CĐSVN-KCHTGT ngày 31 tháng 3 năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt theo Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch đầu tư, Tổ chức cán bộ, Tài chính, Kết cấu hạ tầng giao thông, Pháp chế, Đối tác công tư; Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Công an, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông;
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KCHT (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Đông

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt theo Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2020 của Bộ GTVT)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích, yêu cầu

1.1 Mục đích

Phân công các cơ quan đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) triển khai thực hiện Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020.

1.2. Yêu cầu

Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch phải xây dựng chương trình triển khai cụ thể, báo cáo kịp thời kết quả thực hiện, các khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp khắc phục để việc triển khai thực hiện Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đáp ứng tiến độ đã được phê duyệt. Quá trình thực hiện phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, các Bộ, ngành và các đơn vị có liên quan.

2. Giải pháp thực hiện

- Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt, đánh giá những tồn tại, bất cập mới phát sinh trong quá trình thực hiện; đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Đường sắt và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, phù hợp với yêu cầu về quản lý, bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an toàn giao thông đường sắt; phổ biến để người dân tự giác không vi phạm hành lang an toàn đường sắt; các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền các cấp thực hiện đúng quy định của luật Giao thông đường bộ, Luật Đường sắt, đặc biệt là đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Tăng cường hiệu lực của các chủ thể liên quan đến công tác bảo vệ đảm bảo trật tự an toàn trong hoạt động đường sắt;

- Quản lý chặt chẽ đất dành cho đường sắt, giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt để đảm bảo trật tự an toàn giao thông và hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Tổ chức quản lý chặt chẽ, kiềm chế không phát sinh lối đi tự mở; thực hiện các biện pháp tăng cường đảm bảo an toàn giao thông đường sắt;

- Tổ chức thực hiện giảm số lượng, xóa bỏ các lối đi tự mở, gồm: Cải tạo, nâng cấp các lối đi này thành các vị trí đường sắt giao nhau với đường bộ phù hợp với quy hoạch liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng đường gom kết hợp hàng rào bảo vệ để kết nối giao thông vào các đường ngang, các vị trí giao nhau khác mức nhằm giảm số lượng lối đi tự mở qua đường sắt;

- Lập kế hoạch, báo cáo Chính phủ bố trí kinh phí thực hiện hàng năm.

II. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 358/QĐ-TTg NGÀY 10/3/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Giao Cục Đường sắt Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có đường sắt đi qua:

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hành lang an toàn đường sắt và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Rà soát, báo cáo Bộ GTVT các nội dung phối hợp với Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong việc chỉ đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam triển khai thực hiện các giải pháp quản lý, hoàn thiện các quy trình tác nghiệp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt;

- Phối hợp với Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam để xóa bỏ giao cắt giữa đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia;

- Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan chức năng của địa phương có đường sắt đi qua thực hiện việc giải tỏa, duy trì trật tự hành lang an toàn đường sắt; quản lý chặt chẽ kiềm chế không phát sinh lối đi tự mở, thực hiện các biện pháp tăng cường đảm bảo an toàn giao thông đường sắt; Xây dựng hàng rào, đường gom và các công trình phụ trợ như đường ngang, cầu vượt, hầm chui qua đường sắt để thực hiện xóa bỏ toàn bộ các lối đi tự mở qua đường sắt theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Rà soát, báo cáo Bộ GTVT các nội dung phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc rà soát, kiểm tra công tác lập và thực hiện quy hoạch các khu công nghiệp, khu dân cư dọc tuyến đường sắt;

- Rà soát, báo cáo Bộ GTVT các nội dung phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc quản lý, sử dụng đất hành lang an toàn đường sắt; nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ trong công tác giải tỏa hành lang an toàn đường sắt;

- Rà soát, báo cáo Bộ GTVT các nội dung phối hợp với Bộ Công an trong việc tham gia tổ công tác liên ngành thực hiện cưỡng chế giải tỏa các công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ, đường sắt; giải tỏa để xây dựng các công trình nhằm xóa các lối đi tự mở;

- Rà soát, báo cáo Bộ GTVT các nội dung phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để đưa nội dung các quy định của pháp luật về bảo vệ hành lang an toàn đường sắt vào chương trình giảng dạy pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

- Rà soát, báo cáo Bộ GTVT các nội dung phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo

vệ hành lang an toàn đường bộ, đường sắt trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Rà soát, báo cáo Bộ GTVT các nội dung phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong việc bố trí kinh phí thực hiện xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo hành lang an toàn đường sắt và xử lý dứt điểm lối đi tự mở.

2. Giao Cục Đường sắt Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ triển khai thực hiện:

a) Giai đoạn đến hết năm 2020:

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động để mọi người dân hiểu rõ và chấp hành các quy định của pháp luật về đường sắt; trong đó có nội dung về an toàn giao thông đường sắt;

- Hoàn thành công tác lập, bàn giao hồ sơ quản lý lối đi tự mở trên các tuyến đường sắt quốc gia cho các địa phương có đường sắt đi qua để quản lý và tổ chức thực hiện các biện pháp để kiềm chế không phát sinh lối đi tự mở, thu hẹp xóa bỏ lối đi tự mở là các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt;

- Nâng cấp, cải tạo đường ngang theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ (hoàn thành cải tạo, nâng cấp 452 đường ngang biển báo thành đường ngang cảnh báo tự động và đường ngang có người gác);

- Xây dựng 29,7 km hàng rào, đường gom và 08 đường ngang để xóa bỏ các lối đi tự mở trên địa bàn khu vực đông dân cư thuộc các khu đoạn đường sắt có tốc độ và mật độ chạy tàu cao; các lối đi tự mở là các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt;

b) Giai đoạn từ năm 2020 đến hết năm 2025 :

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, vận động để mọi người dân hiểu rõ và chấp hành các quy định của pháp luật về đường sắt; trong đó có nội dung về an toàn giao thông đường sắt;

- Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn giao thông đường sắt, cắm mốc giới hành lang an toàn giao thông đường sắt trong khu vực đô thị và bàn giao cho các địa phương quản lý;

- Thực hiện giải tỏa các vị trí vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt;

- Xây dựng 297 đường ngang, 149 hầm chui và một số đoạn đường gom (các

đoạn đường gom ưu tiên triển khai để xóa bỏ các lối đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt) để xóa bỏ các lối đi tự mở qua đường sắt. *(chi tiết cụ thể theo phụ lục kèm theo)*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các nhiệm vụ được giao trong Đề án; nội dung chủ yếu của Kế hoạch này và các nhiệm vụ cụ thể được phân công nêu tại Phụ lục kèm theo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả đảm bảo quy định.

- Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Sở Giao thông vận tải các tỉnh có đường sắt đi qua tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Bộ GTVT định kỳ 6 tháng trước ngày 25/6 và 25/12 hàng năm; Cục Đường sắt Việt Nam tổng hợp kế hoạch thực hiện, gửi Bộ GTVT trước ngày 30/6 hàng năm để báo cáo Chính phủ bố trí kinh phí thực hiện.

2. Phân công trách nhiệm:

a) Giao Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; Định kỳ 6 tháng báo cáo Lãnh đạo Bộ GTVT về tình hình thực hiện Kế hoạch.

b) Vụ Kế hoạch Đầu tư, Vụ Tài chính tổng hợp kinh phí trình Chính phủ bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển và nguồn vốn hoạt động kinh tế đường sắt hàng năm để triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án; theo dõi, hướng dẫn đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ sử dụng kinh phí theo đúng kế hoạch được giao, đảm bảo mục đích và hiệu quả.

c) Vụ Pháp chế rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về giao đường bộ, đường sắt, đề xuất điều chỉnh đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý trong việc lập lại trật tự hành lang an toàn đường sắt.

d) Thanh tra Bộ: Phối hợp với Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định.

đ) Cục Đường sắt Việt Nam:

- Phối hợp, hướng dẫn với chính quyền địa phương các cấp nơi có đường sắt đi qua, trong quá trình lập kế hoạch thực hiện các giải pháp của Đề án; Báo cáo Bộ GTVT để được xem xét, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh nội dung thực hiện (nếu cần thiết);

- Quản lý chặt chẽ đất dành cho đường sắt, giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt để đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt;

- Quản lý chặt chẽ, kiềm chế không phát sinh lối đi tự mở; thực hiện các biện

pháp tăng cường đảm bảo an toàn giao thông đường sắt;

- Thực hiện giảm, thu hẹp, xóa bỏ lối đi tự mở; tổ chức xây dựng đường gom, hàng rào theo lộ trình của Đề án;

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Bộ GTVT việc thực hiện Đề án;

- Thực hiện các nội dung khác thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đường sắt theo quy định của pháp luật;

- Triển khai các nhiệm vụ liên quan để thực hiện đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt trong Đề án; chịu trách nhiệm đầy đủ, toàn diện về nội dung và các số liệu của Đề án và Quyết định này.

e) Tổng cục Đường bộ Việt Nam:

- Chủ trì tổ chức xây dựng gờ, gồ giảm tốc, sơn kẻ đường, biển báo phía đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Đường bộ Việt Nam tại các vị trí giao cắt cùng mức với đường sắt quốc gia khu vực đường ngang;

- Hướng dẫn chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua trong việc xây dựng gờ, gồ giảm tốc, sơn kẻ đường, biển báo phía đường bộ thuộc phạm vi quản lý của địa phương tại các đường ngang mà đường bộ giao cắt cùng mức với đường sắt quốc gia;

- Phối hợp với Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân các cấp, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trong việc kết nối tín hiệu đường bộ thuộc phạm vi quản lý với đường sắt tại các đường ngang theo quy định.

f) Cục Đăng kiểm Việt Nam chủ trì, rà soát, tăng cường năng lực cho các cơ sở, trung tâm đăng kiểm để nâng cao chất lượng đăng kiểm trên toàn quốc.

3. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí được bố trí từ ngân sách nhà nước, nguồn ngân sách của địa phương hoặc nguồn ngân sách của trung ương phân bổ cho địa phương theo từng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn vốn của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và các nguồn vốn hợp pháp khác./.

Phụ lục 1: Kế hoạch triển khai Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Giai đoạn từ nay đến hết năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1149 /QĐ-BGTVT ngày 15/6/2020)

STT	Nội dung	Kinh phí dự kiến *(tỷ đồng)*	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
A	**Giai đoạn đến hết năm 2020**	**459,04**				
1	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt	3,0	Năm 2020	Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động kinh tế đường sắt hàng năm	Cục ĐSVN	Vụ ATGT, Tổng công ty ĐSVN, UBND các địa phương và các cơ quan có liên quan
2	Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo trật tự HLATGTĐS		Năm 2020	Ngân sách nhà nước	Vụ Pháp chế	Vụ ATGT, Tổng Cục đường bộ VN, Cục ĐSVN
3	Lập, bàn giao hồ sơ quản lý lối đi tự mở trên các tuyến đường sắt quốc gia cho các địa phương có đường sắt đi qua để quản lý và tổ chức thực hiện các biện pháp để kiềm chế không phát sinh lối đi tự mở, thu hẹp xóa bỏ lối đi tự mở là các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt.		Năm 2020		Cục ĐSVN, Tổng công ty ĐSVN,	Vụ ATGT, Tổng công ty ĐSVN, UBND các địa phương và các cơ quan có liên quan
4	Nâng cấp, cải tạo đường ngang theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/682014 của Thủ tướng Chính phủ (hoàn thành cải tạo, nâng cấp 452 đường ngang biển báo thành đường ngang cảnh	220,0	Năm 2020 *(Đang thực hiện)*	Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động kinh tế	Cục ĐSVN, Tổng công ty ĐSVN	Vụ KCHT, Vụ TC

STT	Nội dung	Kinh phí dự kiến *(tỷ đồng)*	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	báo tự động và đường ngang có người gác)			của ngân sách TW		
5	Xây dựng 29,70km hàng rào, đường gom và 08 đường ngang để xóa bỏ các lối đi tự mở trên địa bàn khu vực đông dân cư thuộc các khu đoạn đường sắt có tốc độ và mật độ chạy tàu cao; các lối đi tự mở là các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt	236,04	Năm 2020 *(Đang thực hiện)*	Vốn dự phòng ngân sách trung ương (2016-2020)	Ban QLDA ĐS, Ban QLDA 85	Cục ĐSVN, Tổng công ty ĐSVN, UBND các địa phương và các cơ quan có liên quan
B	**Giai đoạn từ năm 2021 đến hết năm 2025**	**2.312,38**				
1	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt	15,0	2021-2025	Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động kinh tế đường sắt hàng năm	Cục ĐSVN	Vụ ATGT, Tổng công ty ĐSVN, UBND các địa phương và các cơ quan có liên quan
2	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo trật tự HLATGT ĐS		2021-2025	Ngân sách nhà nước	Cục ĐSVN	Các Vụ: Pháp chế ATGT, Tổng Cục đường bộ VN, Cục ĐSVN
3	Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn giao thông đường sắt và cắm mốc giới hành lang an toàn giao thông đường sắt trong khu vực đô thị	33,5	2021- 2025	Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động kinh tế đường sắt	Cục ĐSVN	Vụ KCHT, Vụ TC; Tổng công ty ĐSVN, UBND các địa phương và cơ quan liên quan

STT	Nội dung	Kinh phí dự kiến *(tỷ đồng)*	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Xây dựng mới 08 hầm và 75 đường ngang tại các vị trí là điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt trên 02 tuyến đường sắt Hà Nội-Tp.Hồ Chí Minh, Yên Viên - Lào Cai.	348,18	2021-2022	Ngân sách Trung ương bố trí cho kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	Cục ĐSVN, Ban QLDA ĐS	Các Vụ KCHT, TC; Tổng công ty ĐS, UBND các địa phương và cơ quan liên quan
5	Xây dựng mới 141 hầm chui và 222 đường ngang còn lại trên các tuyến đường sắt.	1.451,20	2023-2025		Cục ĐSVN, Ban QLDA ĐS	Các Vụ KCHT, TC; Tổng công ty ĐS, UBND các địa phương và cơ quan liên quan
6	Xử lý các vị trí vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội -Tp.Hồ Chí Minh.	139,35	2021-2023	Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động kinh tế đường sắt hàng năm	Cục ĐSVN, Ban QLDA ĐS	UBND các địa phương, Tổng công ty ĐSVN và các cơ quan có liên quan
7	Xử lý các vị trí vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt còn lại	325,15	2024-2025			

Phụ lục 2: Danh sách 08 hầm chui xây dựng mới tại các vị trí là điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt

TT	Lý trình	Tuyến đường sắt
1	Km283+923	Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh
2	Km358+490	nt
3	Km445+227	nt
4	Km492+675	nt
5	Km505+280	nt
6	Km559+100	nt
7	Km723+550	nt
8	Km849+800	nt

Phụ lục 3: Danh sách 75 đường ngang xây dựng mới tại các vị trí là điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt trên 02 tuyến đường sắt Hà Nội-Tp.Hồ Chí Minh, Yên Viên - Lào Cai

TT	Lý trình	Tuyến đường sắt
1	Km24+050	Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh
2	Km28+255	nt
3	Km28+805	nt
4	Km34+762	nt
5	Km38+620	nt
6	Km45+550	nt
7	Km58+950	nt
8	Km59+505	nt
9	Km72+130	nt
10	Km77+160	nt
11	Km81+487	nt
12	Km92+870	nt
13	Km135+910	nt
14	Km163+450	nt
15	Km179+265	nt
16	Km211+395	nt
17	Km249+615	nt
18	Km266+200	nt
19	Km267+500	nt
20	Km268+480	nt
21	Km270+730	nt
22	Km281+610	nt
23	Km289+503	nt
24	Km298+310	nt
25	Km299+625	nt
26	Km321+870	nt
27	Km325+885	nt
28	Km356+250	nt
29	Km391+994	nt
30	Km398+090	nt
31	Km401+980	nt
32	Km425+780	nt
33	Km428+995	nt
34	Km431+650	nt
35	Km444+100	nt
36	Km446+720	nt
37	Km549+100	nt
38	Km603+620	nt
39	Km778+760	nt
40	Km825+520	nt
41	Km858+550	nt

42	Km872+180	nt
43	Km874+300	nt
44	Km957+020	nt
45	Km981+560	nt
46	Km1000+080	nt
47	Km1010+500	nt
48	Km1023+550	nt
49	Km1033+440	nt
50	Km1043+290	nt
51	Km1057+060	nt
52	Km1101+295	nt
53	Km1109+380	nt
54	Km1109+780	nt
55	Km1114+780	nt
56	Km1206+140	nt
57	Km1237+470	nt
58	Km1238+650	nt
59	Km1300+110	nt
60	Km1337+120	nt
61	Km1490+050	nt
62	Km1641+560	nt
63	Km1670+660	nt
64	Km1676+570	nt
65	Km1692+305	nt
66	Km1692+600	nt
67	Km1696+875	nt
68	Km1698+650	nt
69	Km1701+060	nt
70	Km1701+250	nt
71	Km1702+945	nt
72	Km1709+040	nt
73	Km43+265	Yên Viên – Lào Cai
74	Km66+860	nt
75	Km272+240	nt

Phụ lục 4: Danh sách 141 hầm chui xây dựng mới còn lại trên các tuyến đường sắt

TT	Lý trình	Tuyến đường sắt
1	Km42+555	Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh
2	Km68+970	nt
3	Km353+310	nt
4	Km357+500	nt
5	Km359+315	nt
6	Km370+170	nt
7	Km381+135	nt
8	Km391+410	nt
9	Km397+480	nt
10	Km422+900	nt
11	Km446+170	nt
12	Km451+550	nt
13	Km459+000	nt
14	Km468+460	nt
15	Km474+115	nt
16	Km532+945	nt
17	Km537+550	nt
18	Km559+960	nt
19	Km561+250	nt
20	Km617+300	nt
21	Km644+725	nt
22	Km713+025	nt
23	Km724+515	nt
24	Km739+330	nt
25	Km745+115	nt
26	Km843+430	nt
27	Km868+820	nt
28	Km871+450	nt
29	Km881+680	nt
30	Km921+670	nt
31	Km952+535	nt
32	Km979+450	nt
33	Km986+030	nt
34	Km1019+390	nt
35	Km1022+180	nt
36	Km1024+100	nt

37	Km1131+470	nt
38	Km1136+290	nt
39	Km1138+110	nt
40	Km1141+810	nt
41	Km1143+400	nt
42	Km1150+965	nt
43	Km1157+185	nt
44	Km1159+420	nt
45	Km1176+895	nt
46	Km1178+510	nt
47	Km1260+320	nt
48	Km1267+380	nt
49	Km1268+840	nt
50	Km1271+640	nt
51	Km1401+700	nt
52	Km1502+295	nt
53	Km1517+750	nt
54	Km1518+905	nt
55	Km1575+650	nt
56	Km1588+140	nt
57	Km1590+950	nt
58	Km1612+920	nt
59	Km15+610	Yên Viên – Lào Cai
60	Km39+830	nt
61	Km85+065	nt
62	Km88+700	nt
63	Km103+730	nt
64	Km107+242	nt
65	Km113+273	nt
66	Km118+550	nt
67	Km132+400	nt
68	Km141+650	nt
69	Km144+030	nt
70	Km146+415	nt
71	Km149+240	nt
72	Km151+278	nt
73	Km160+660	nt
74	Km162+890	nt

75	Km167+870	nt
76	Km173+170	nt
77	Km178+330	nt
78	Km180+750	nt
79	Km193+730	nt
80	Km195+290	nt
81	Km203+405	nt
82	Km205+730	nt
83	Km208+015	nt
84	Km212+110	nt
85	Km215+910	nt
86	Km217+150	nt
87	Km217+500	nt
88	Km222+275	nt
89	Km225+242	nt
90	Km226+930	nt
91	Km227+950	nt
92	Km229+020	nt
93	Km232+400	nt
94	Km234+430	nt
95	Km245+465	nt
96	Km246+530	nt
97	Km276+095	nt
98	Km277+295	nt
99	Km278+790	nt
100	Km281+600	nt
101	Km282+835	nt
102	Km23+550	Hà Nội - Đồng Đăng
103	Km85+535	nt
104	Km91+910	nt
105	Km103+700	nt
106	Km120+360	nt
107	Km128+110	nt
108	Km130+210	nt
109	Km134+300	nt
110	Km146+270	nt
111	Km19+632	Kép – Hạ Long
112	Km20+175	nt

113	Km21+320	nt
114	Km22+175	nt
115	Km23+780	nt
116	Km24+962	nt
117	Km25+450	nt
118	Km27+125	nt
119	Km28+062	nt
120	Km43+140	nt
121	Km45+075	nt
122	Km50+708	nt
123	Km53+292	nt
124	Km63+782	nt
125	Km81+029	nt
126	Km100+264	nt
127	Km101+842	nt
128	Km48+746	Kép - Lưu Xá
129	Km49+384	nt
130	Km52+900	nt
131	Km3+269	Chí Linh - Phả Lại
132	Km14+203	nt
133	Km14+595	nt
134	Km6+375	Gia Lâm - Hải Phòng
135	Km25+900	Bắc Hồng - Văn Điển
136	Km13+350	Mai Pha – Na Dương
137	Km265+275	Phố Lu - Xuân Giao
138	Km267+555	nt
139	Km3+510	Diêu Trì - Quy Nhơn
140	Km1+870	Bình Thuận - Phan Thiết
141	Km2+870	nt

Phụ lục 5: Danh sách 222 đường ngang xây dựng mới còn lại trên các tuyến đường sắt

TT	Lý trình	Tuyến đường sắt
1	Km109+350	Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh
2	Km144+745	nt
3	Km192+995	nt
4	Km204+300	nt
5	Km207+160	nt
6	Km216+430	nt
7	Km237+100	nt
8	Km260+380	nt
9	Km265+470	nt
10	Km268+870	nt
11	Km277+020	nt
12	Km291+140	nt
13	Km296+695	nt
14	Km322+590	nt
15	Km325+025	nt
16	Km326+350	nt
17	Km333+795	nt
18	Km364+370	nt
19	Km367+990	nt
20	Km393+125	nt
21	Km400+545	nt
22	Km402+560	nt
23	Km405+398	nt
24	Km410+825	nt
25	Km424+105	nt
26	Km426+740	nt
27	Km428+300	nt
28	Km430+650	nt
29	Km434+450	nt
30	Km435+425	nt
31	Km439+175	nt
32	Km440+005	nt
33	Km441+420	nt
34	Km443+097	nt
35	Km445+690	nt
36	Km464+425	nt
37	Km473+150	nt
38	Km475+595	nt

39	Km476+645	nt
40	Km478+875	nt
41	Km485+190	nt
42	Km529+350	nt
43	Km534+253	nt
44	Km670+510	nt
45	Km722+440	nt
46	Km750+120	nt
47	Km753+350	nt
48	Km826+350	nt
49	Km893+710	nt
50	Km1028+080	nt
51	Km1038+100	nt
52	Km1074+390	nt
53	Km1119+450	nt
54	Km1273+650	nt
55	Km1294+730	nt
56	Km1297+950	nt
57	Km1301+400	nt
58	Km1361+375	nt
59	Km1371+762	nt
60	Km1404+860	nt
61	Km1438+300	nt
62	Km1527+950	nt
63	Km1543+444	nt
64	Km1552+910	nt
65	Km1559+375	nt
66	Km1567+370	nt
67	Km1568+800	nt
68	Km1579+370	nt
69	Km1585+620	nt
70	Km1598+890	nt
71	Km17+484	Yên Viên – Lào Cai
72	Km48+770	nt
73	Km67+252	nt
74	Km75+212	nt
75	Km89+150	nt
76	Km91+920	nt
77	Km92+700	nt
78	Km93+547	nt
79	Km94+919	nt
80	Km99+842	nt
81	Km105+076	nt

82	Km107+925	nt
83	Km109+328	nt
84	Km110+140	nt
85	Km110+794	nt
86	Km111+576	nt
87	Km113+058	nt
88	Km119+585	nt
89	Km127+780	nt
90	Km138+550	nt
91	Km141+850	nt
92	Km142+890	nt
93	Km153+440	nt
94	Km169+050	nt
95	Km172+300	nt
96	Km192+450	nt
97	Km239+075	nt
98	Km240+955	nt
99	Km259+135	nt
100	Km263+975	nt
101	Km268+915	nt
102	Km292+920	nt
103	Km18+905	Gia Lâm – Hải Phòng
104	Km28+505	nt
105	Km29+706	nt
106	Km32+200	nt
107	Km33+160	nt
108	Km33+411	nt
109	Km33+860	nt
110	Km34+490	nt
111	Km35+400	nt
112	Km35+845	nt
113	Km36+048	nt
114	Km37+431	nt
115	Km38+355	nt
116	Km39+429	nt
117	Km40+450	nt
118	Km42+472	nt
119	Km45+100	nt
120	Km47+610	nt
121	Km49+570	nt
122	Km52+836	nt
123	Km55+955	nt
124	Km65+813	nt

125	Km71+515	nt
126	Km79+591	nt
127	Km82+089	nt
128	Km83+250	nt
129	Km83+885	nt
130	Km85+785	nt
131	Km87+400	nt
132	Km88+820	nt
133	Km89+950	nt
134	Km92+675	nt
135	Km93+395	nt
136	Km94+570	nt
137	Km87+095	Hà Nội – Đồng Đăng
138	Km97+145	nt
139	Km106+575	nt
140	Km155+580	nt
141	Km162+613	nt
142	Km18+495	nt
143	Km22+800	nt
144	Km27+800	nt
145	Km34+910	nt
146	Km44+668	nt
147	Km54+700	nt
148	Km61+820	nt
149	Km69+128	nt
150	Km72+150	nt
151	Km74+070	nt
152	Km75+685	nt
153	Km78+270	nt
154	Km80+085	nt
155	Km83+425	nt
156	Km88+960	nt
157	Km90+950	nt
158	Km98+285	nt
159	Km105+075	nt
160	Km107+520	nt
161	Km139+752	nt
162	Km140+820	nt
163	Km152+740	nt
164	Km2+975	Kép – Hạ Long
165	Km3+625	nt
166	Km5+731	nt
167	Km9+184	nt

168	Km9+960	nt
169	Km11+948	nt
170	Km15+100	nt
171	Km15+770	nt
172	Km16+480	nt
173	Km19+187	nt
174	Km24+925	nt
175	Km25+862	nt
176	Km26+887	nt
177	Km29+687	nt
178	Km32+557	nt
179	Km33+355	nt
180	Km34+129	nt
181	Km38+368	nt
182	Km38+889	nt
183	Km39+920	nt
184	Km40+177	nt
185	Km40+695	nt
186	Km41+068	nt
187	Km41+961	nt
188	Km44+097	nt
189	Km46+013	nt
190	Km46+880	nt
191	Km47+333	nt
192	Km48+226	nt
193	Km52+821	nt
194	Km54+503	nt
195	Km55+811	nt
196	Km57+805	nt
197	Km59+491	nt
198	Km67+001	nt
199	Km71+925	nt
200	Km76+025	nt
201	Km80+071	nt
202	Km45+268	Kép – Lưu Xá
203	Km25+400	Bắc Hồng – Văn Điển
204	Km10+650	Đông Anh – Quán Triều
205	Km14+100	nt
206	Km23+551	nt
207	Km34+400	nt
208	Km10+040	Mai Pha – Na Dương
209	Km10+661	nt
210	Km12+560	nt

211	Km21+350	nt
212	Km24+400	nt
213	Km25+480	nt
214	Km27+180	nt
215	Km29+300	nt
216	Km263+760	Phố Lu – Xuân Giao
217	Km1+780	Diêu Trì – Quy Nhơn
218	Km6+170	nt
219	Km81+990	Đà Lạt – Trại Mát
220	Km83+251	nt
221	Km5+991	Bình Thuận – Phan Thiết
222	Km6+940	nt

Phụ lục 6: Danh sách xử lý các vị trí vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt tiềm ẩn tai nạn giao thông đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.Hồ Chí Minh

TT	Bên trái đường sắt	Bên phải đường sắt
1	Km436+525 đến Km437+860;	
2	Km460+450 đến Km460+820;	
3	Km512+700 đến Km513+595;	
4	Km521+300 đến Km521+600;	Km521+350 đến Km521+450;
5	Km781+500 đến Km781+600;	
6	Km781+760 đến Km781+860;	
7		Km782+145 đến Km782+200;
8	Km788+100 đến Km788+200;	
9		Km800+430 đến Km800+530;
10	Km807+050 đến Km807+200;	
11		Km810+00 đến Km810+130;
12		Km810+600 đến Km810+700;
13	Km815+730 đến Km815+830;	
14	Km816+200 đến Km816+300;	
15	Km821+900 đến Km822+000;	
16	Km832+00 đến Km832+100;	Km832+00 đến Km832+100;
17	Km854+520 đến Km854+620;	
18	Km864+330 đến Km864+330;	
19	Km870+140 đến Km870+240;	Km870+140 đến Km870+190;
20	Km873+300 đến Km873+400;	Km873+300 đến Km873+400;
21	Km876+300 đến Km876+400;	Km876+300 đến Km876+400;
22	Km877+600 đến Km877+700;	Km877+600 đến Km877+700;
23	Km880+430 đến Km880+530;	Km880+430 đến Km880+530;
24	Km886+00 đến Km886+100;	Km886+00 đến Km886+100;
25	Km895+720 đến Km895+820;	Km895+720 đến Km895+820.
26	Km896+230 đến Km896+300.	